

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **12** /QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày **08** tháng **01** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý và sử dụng mạng Internet
trong ngành Kiểm sát nhân dân**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định quản lý và sử dụng mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*g*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSNDTC;
- Lưu: VT.

VIỆN TRƯỞNG



Lê Minh Trí

QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-VKSTC ngày 08 tháng 01 năm 2018
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý và sử dụng mạng Internet nhằm khai thác an toàn, hiệu quả các thông tin thông qua mạng Internet đảm bảo an toàn, an ninh cho hệ thống mạng của ngành Kiểm sát nhân dân.

Việc quản lý, sử dụng mạng Internet trong hệ thống Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương quy định.

2. Quy định này áp dụng đối với người quản lý mạng Internet, người quản trị mạng Internet, người sử dụng mạng Internet tại cơ quan, đơn vị thuộc ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Mạng Internet: Là hệ thống thông tin toàn cầu có thể được truy nhập công cộng gồm các mạng máy tính được liên kết với nhau. Thông qua mạng Internet, người sử dụng mạng Internet có thể cung cấp, trao đổi và khai thác thông tin (trang thông tin điện tử, thư điện tử, hội nghị truyền hình, hệ thống truyền nhận tập tin,...).

2. Tài khoản truy cập mạng Internet: Là tài khoản (tên đăng nhập và mật khẩu) được sử dụng để kết nối mạng Internet.

3. Thiết bị truy cập mạng Internet: Là máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh và các thiết bị khác có thể truy cập vào mạng Internet.

4. Thiết bị mạng: Là các thiết bị (Repeater, Switch, Router, Bridge, Hub, Wifi,...) để kết nối, truyền tín hiệu Internet đến các thiết bị truy cập mạng Internet.

5. Tập tin: Là tất cả các dữ liệu được tạo ra, sử dụng trên máy tính như: văn bản, chương trình, âm thanh, hình ảnh,...

6. Chương trình vi rút: Là chương trình máy tính có khả năng lây lan,

gây hoạt động không bình thường hoặc sao chép, sửa đổi, xóa bỏ thông tin lưu trữ trong các thiết bị số.

7. Trang thông tin điện tử (Website): Là trang thông tin hoặc một tập hợp trang thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho việc cung cấp, trao đổi thông tin.

8. Người quản lý mạng Internet bao gồm:

- Ở Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có mạng Internet riêng.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.

9. Người quản trị mạng Internet: Là đơn vị, cá nhân được giao quản trị hệ thống mạng Internet của cơ quan, đơn vị.

10. Người sử dụng mạng Internet: Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân được cấp tài khoản truy cập mạng Internet; cá nhân ngoài ngành Kiểm sát nhân dân được cấp tài khoản truy cập mạng Internet tạm thời.

Điều 3. Các hành vi bị cấm

1. Người quản lý mạng Internet, người quản trị mạng Internet, người sử dụng mạng Internet không được thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản pháp luật khác.

2. Ngoài các hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 1 Điều này, người quản trị mạng Internet, người sử dụng mạng Internet không được thực hiện các hành vi sau:

a. Soạn thảo, lưu trữ các tập tin thuộc danh mục tài liệu bí mật Nhà nước và của ngành Kiểm sát nhân dân do Nhà nước quy định trên các thiết bị kết nối mạng Internet, trên mạng Internet;

b. Tự ý cài đặt, sử dụng phần mềm tự động kết nối mạng Internet để trao đổi thông tin;

c. Sử dụng hoặc hướng dẫn người khác sử dụng công cụ, phần mềm để truy cập trái phép các Website do cơ quan có thẩm quyền cấm truy cập;

d. Sử dụng quyền quản trị để truy cập trái phép dữ liệu của người sử dụng khi chưa được sự đồng ý của người đó hoặc người có thẩm quyền;

đ. Tạo ra và cố ý lan truyền, phát tán các chương trình vi rút, phần mềm gây hại trên mạng Internet;

e. Sử dụng mạng Internet vào các hoạt động ngoài chuyên môn, nghiệp vụ;

g. Đầu nối thêm các thiết bị mạng vào hệ thống mạng của cơ quan khi

chưa được sự đồng ý của người quản lý.

Điều 4. Quản lý mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân

1. Nội dung quản lý mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân bao gồm:

a. Tổ chức mạng Internet đủ năng lực (tốc độ đường truyền dữ liệu tối thiểu là 16Mbp đối với Viện kiểm sát cấp huyện và các đơn vị độc lập, 30Mbp đối với Viện kiểm sát cấp tỉnh, Viện kiểm sát cấp cao), an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình;

b. Quy định quản lý, sử dụng mạng Internet của cơ quan, đơn vị không trái quy định của pháp luật và Quy định này;

c. Chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý, khai thác thông tin trên mạng Internet của cơ quan, đơn vị;

d. Giao nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân quản trị mạng Internet tại cơ quan, đơn vị;

đ. Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng mạng Internet tại cơ quan, đơn vị;

e. Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người sử dụng mạng Internet tại cơ quan, đơn vị;

g. Các nội dung khác do pháp luật quy định.

2. Người quản lý mạng Internet thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Quản trị mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân

1. Nội dung quản trị mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân bao gồm:

a. Tham mưu cho người quản lý mạng Internet việc tổ chức, quản lý, sử dụng mạng Internet của cơ quan, đơn vị;

b. Bảo đảm kỹ thuật để hệ thống mạng Internet của cơ quan, đơn vị hoạt động thông suốt, an toàn;

c. Cấp tài khoản cho người sử dụng truy cập mạng Internet của cơ quan, đơn vị theo chỉ đạo của người quản lý mạng Internet;

d. Hướng dẫn cho người sử dụng mạng Internet tại cơ quan, đơn vị sử dụng mạng Internet an toàn, hiệu quả;

đ. Chịu trách nhiệm trước người quản lý mạng Internet về các nhiệm vụ được giao trong việc quản trị mạng Internet;

e. Các nội dung khác do pháp luật quy định.

2. Người quản trị mạng Internet thực hiện các nội dung quy định tại

khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị, cá nhân quản trị mạng Internet trong ngành Kiểm sát nhân dân được quy định như sau:

a. Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b. Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tại Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

c. Người được giao nhiệm vụ tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và đơn vị có mạng Internet riêng.

Điều 6. Trách nhiệm của người sử dụng mạng Internet

1. Chỉ sử dụng mạng Internet vào các ứng dụng, phần mềm nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân hoặc tra cứu, trao đổi thông tin liên quan đến công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Chịu trách nhiệm bảo vệ tài khoản truy cập mạng Internet và các thông tin lưu trữ, trao đổi, cung cấp, phát tán trên mạng Internet.

3. Trường hợp có sự thay đổi máy tính, vị trí làm việc, công tác chuyên môn, người sử dụng phải thông báo với người quản trị mạng Internet để bàn giao tài khoản truy cập mạng Internet đã sử dụng và cấp tài khoản truy cập mới.

4. Tổ chức, cá nhân đến làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc ngành Kiểm sát nhân dân có nhu cầu sử dụng mạng Internet phải đề xuất với người quản lý mạng Internet để được cấp tài khoản sử dụng tạm thời.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc đơn vị có mạng Internet riêng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (qua Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin) để được giải thích, hướng dẫn hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung.

3. Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc và đôn đốc thực hiện Quy định này./.